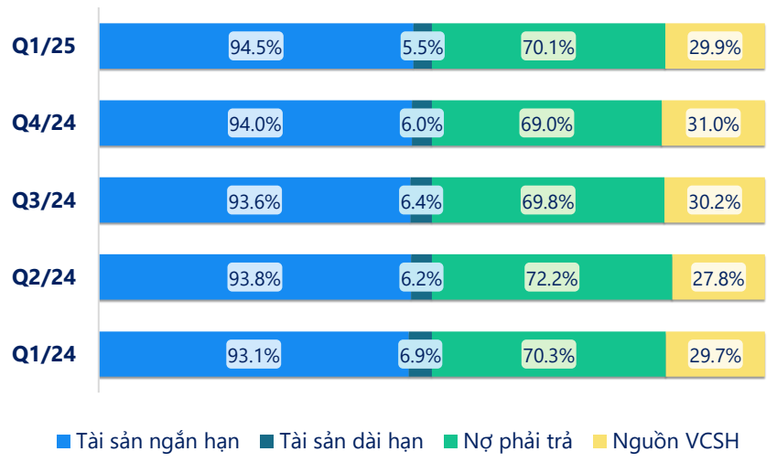
FireAnt

CTCP SCI E&C (HNX: SCI)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	8,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,725
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,300
SL cổ phiếu LH	30,491,409
KLGD BQ 20 phiên (CP)	28,375
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	253
P/E	-10.9
EPS	-758

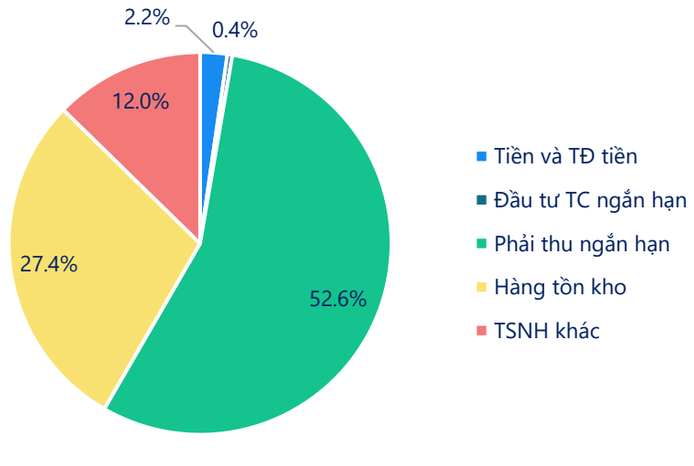
	YTD	1T	3T	6T
SCI	3.8%	-6.7%	1.2%	1.8%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



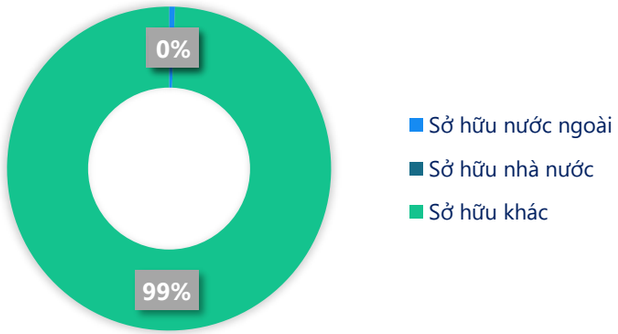
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



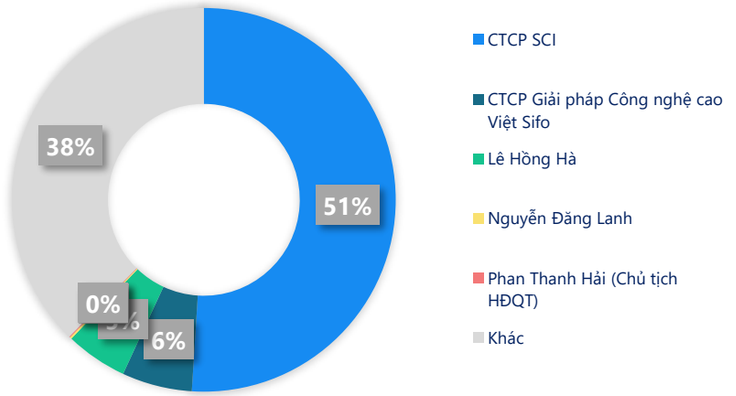
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



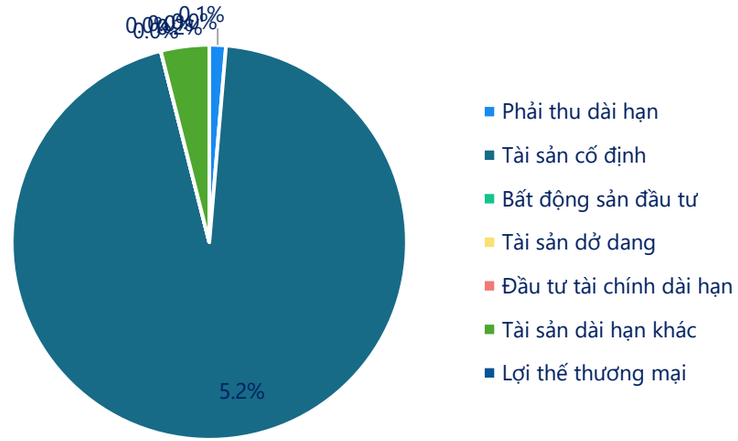
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

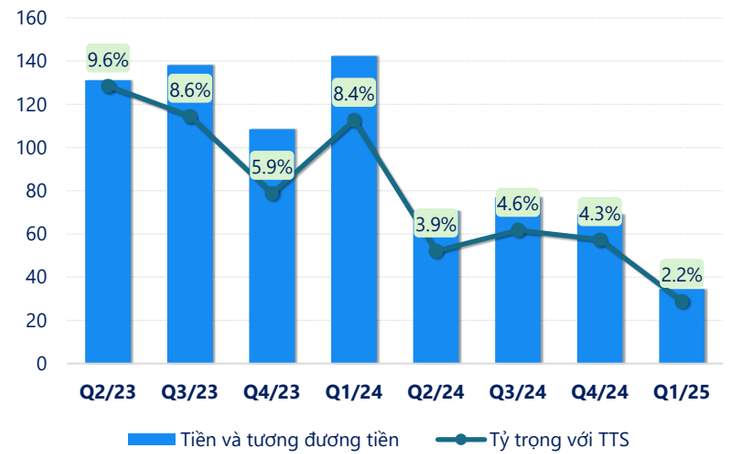


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

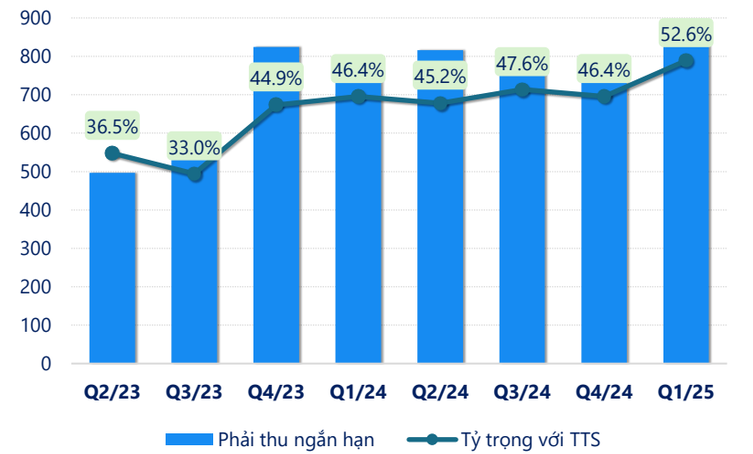
CTCP SCI E&C (HNX: SCI)

Tiền và tương đương tiền



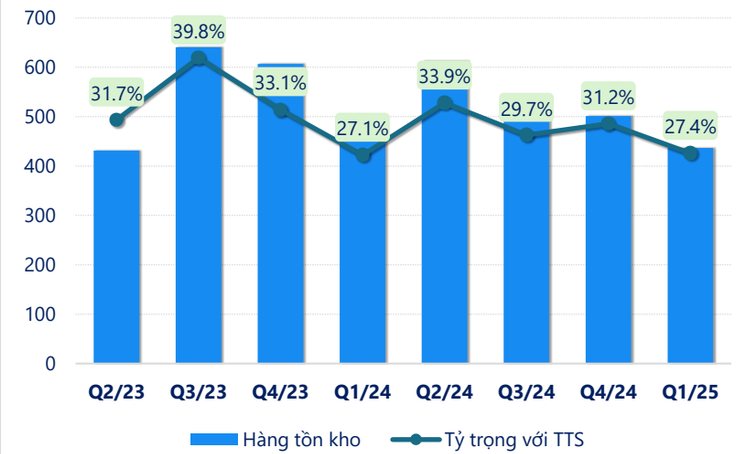
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



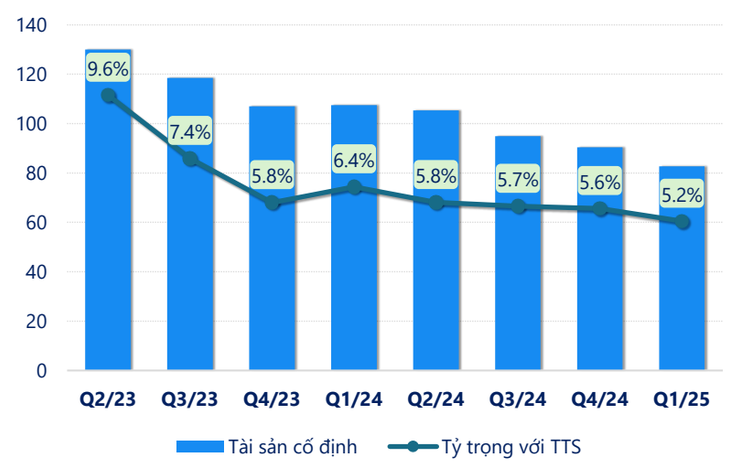
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



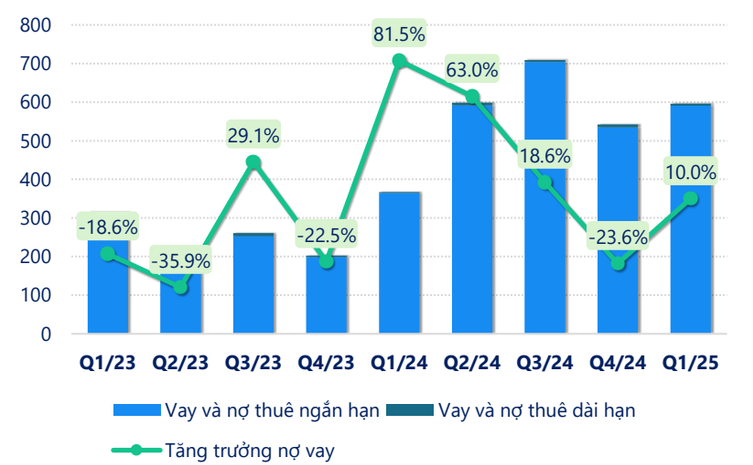
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



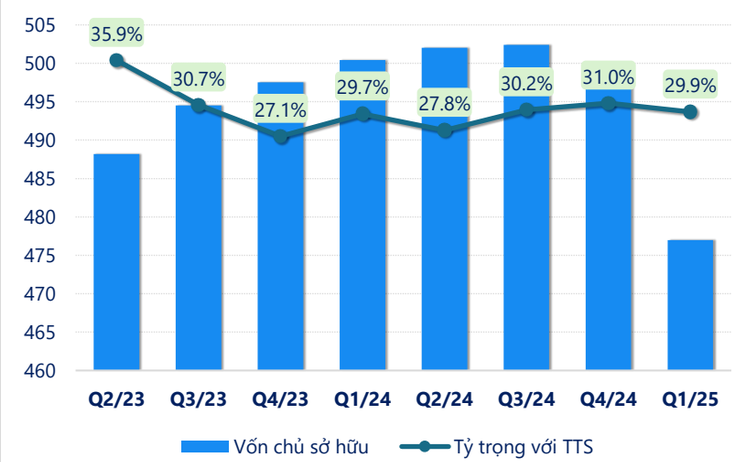
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

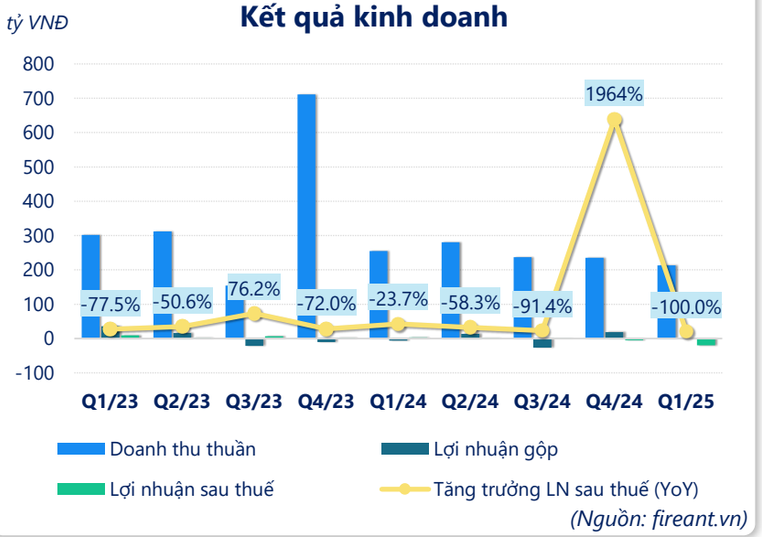
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

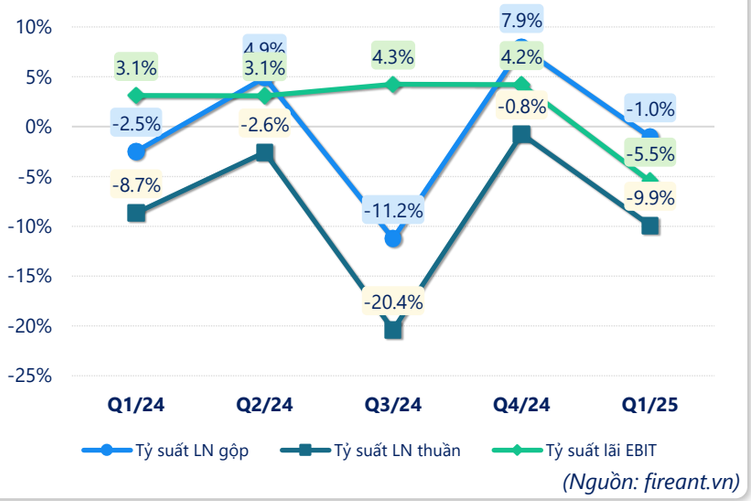
CTCP SCI E&C (HNX: SCI)

Kết quả kinh doanh



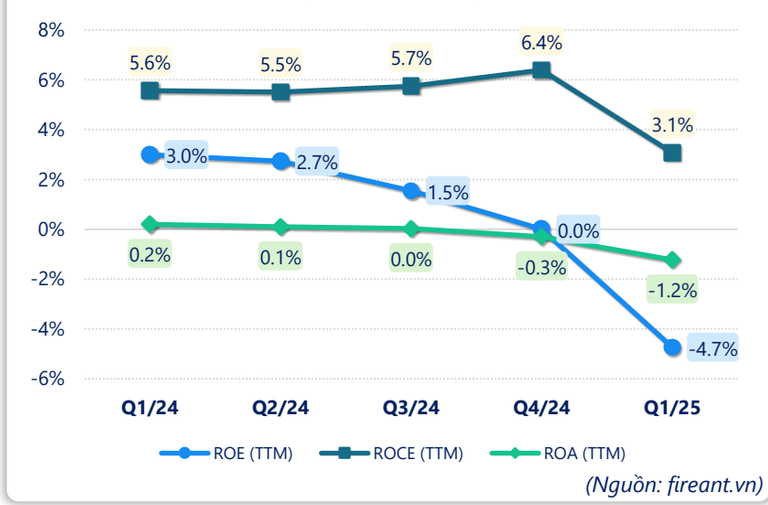
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



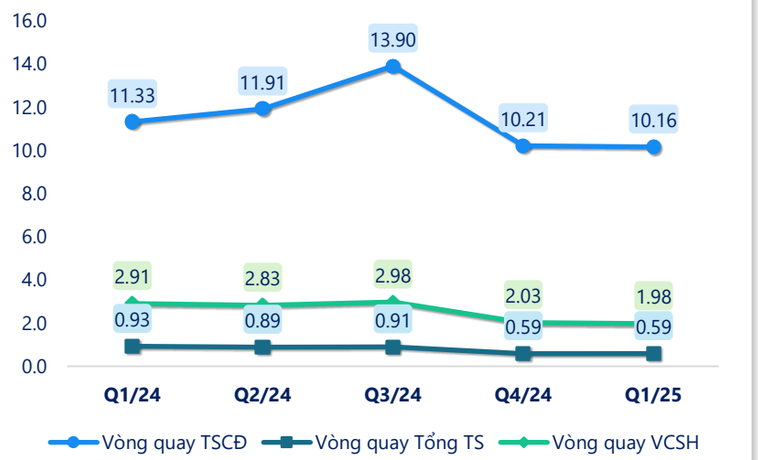
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



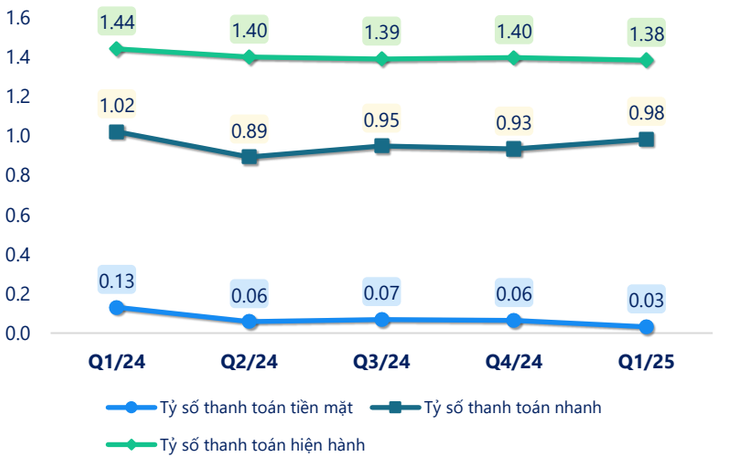
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



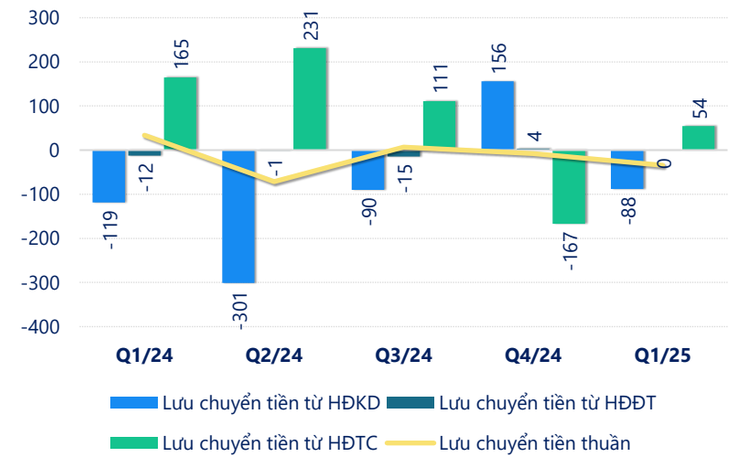
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP SCI E&C (HNX: SCI)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,594**	**1,606**	**-0.7%**
Tài sản ngắn hạn	1,507	1,511	-0.2%
Tiền và tương đương tiền	34.5	69.2	-50.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.30	6.30	0.0%
Phải thu ngắn hạn	839	745	12.6%
Hàng tồn kho	436	501	-13.0%
Tài sản ngắn hạn khác	191	189	1.2%
Tài sản dài hạn	**87.3**	**95.7**	**-8.7%**
Phải thu dài hạn	1.18	1.24	-5.1%
Tài sản cố định	82.7	90.4	-8.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**3.45**	**4.03**	**-14.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,117	1,109	0.8%
Nợ ngắn hạn	**1,089**	**1,081**	**0.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	590	535	10.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	142	178	-20.1%
Nợ dài hạn	28.6	28.2	1.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.88	7.18	-18.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**477**	**497**	**-4.1%**
Vốn chủ sở hữu	**477**	**497**	**-4.1%**
Vốn điều lệ	305	305	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	255	281	237	235	213
Giá vốn hàng bán	261	267	263	217	215
Lợi nhuận gộp	-6.33	13.8	-26.6	18.7	-2.21
Doanh thu HĐTC	1.85	1.40	2.89	4.12	3.31
Chi phí TC	5.23	8.23	10.6	8.64	10.3
Chi phí lãi vay	4.06	6.58	9.41	9.00	8.38
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	12.4	14.2	14.0	15.9	11.9
LN thuần từ HĐKD	-22.1	-7.21	-48.3	-1.77	-21.1
Lợi nhuận khác	26.0	9.30	48.9	2.66	1.04
LN trước thuế	3.87	2.10	0.65	0.89	-20.1
Lợi nhuận sau thuế	3.09	1.61	0.50	-5.18	-20.1
LNST của CĐ cty mẹ	3.09	1.61	0.50	-5.18	-20.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-119	-301	-90.1	156	-88.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.3	-1.27	-14.6	3.69	-0.40
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	165	231	111	-167	54.2
Tiền đầu kỳ	109	142	70.6	77.0	69.2
Lưu chuyển tiền thuần	**33.6**	**-71.5**	**6.35**	**-7.68**	**-34.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.15	-0.22	0.06	-0.21	0.00
Tiền cuối kỳ	142	70.6	77.0	69.2	34.5

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic